

KỸ NĂNG VIẾT VÀ NGÔN TỪ TRONG CÁC LOẠI BÀI VIẾT KHOA HỌC BẰNG TIẾNG ANH

WRITING AND LANGUAGE SKILLS IN KIND FROM SCIENCE ARTICLE IN ENGLISH

PHAN HỮU HẠNH^(*)

TÓM TẮT: Cuộc tranh luận về nghiên cứu khoa học viết bằng tiếng Anh theo thể chủ động (Active Voice) hay thụ động (Passive Voice) vẫn chưa ngã ngũ. Và, viết bài báo khoa học để được chấp nhận cho công bố trên một trong các tạp chí chuyên ngành nổi tiếng và có uy tín trên thế giới thực sự không hề dễ chút nào. Ngay cả tác giả mà tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ cũng cảm thấy khó. Điều quan tâm muốn nói, trong khoa học nếu bài báo không thể hiện xuyên suốt hai tiêu chuẩn vàng để được đánh giá “well-written” là tính đơn giản (simplicity) và trong sáng (Clarity), không tuân thủ cấu trúc “IMRAD” (Introduction – Method – Result – Discussion), đồng thời mắc quá nhiều lỗi sơ đẳng về ngữ pháp, cấu trúc câu, cách sử dụng từ, nói đúng hơn là trình độ tiếng Anh và khả năng viết của tác giả có vấn đề thì mặc nhiên số phận bài viết đó xem như chấm hết. Tóm lại, cơ hội một bài báo khoa học được đăng rất cao, tức là bài đó phải vượt qua hàng rào cản của nhà phê bình duyệt đăng cấp kỹ tính (Meticulous Peer Reviewers) mới mong chen chân vào các tạp san khoa học danh tiếng thế giới.

Từ khóa: kỹ năng viết, bài viết khoa học bằng tiếng Anh, cấu trúc “IMRAD”.

ABSTRACT: The argument over scientific research written in English subject to Active voice or Passive remains indecisive. And, writing a scientific paper to be accepted to publish in one of the specialized reviews famous and very prestigious in the world is really no easy thing at all. Even authors whose mother tongue is English also feel hard to do it. The concern worth mentioning is in science, if any writings fail to express themselves the coherence of the two gold criteria (Simplicity and Clarity) and fail to comply with the structure “IMRAD” (Introduction – Method – Result – Discussion), at the same time making a whole host of rudimentary errors related to grammar, sentence structure, wordage, or rather, the authors’ English level and writing skill are problematic, the ‘fate’ of such papers seems to be automatically over. In a nutshell, the chance of a scientific paper accepted to go to press is very high, i.e. that paper must cross over the hurdles of meticulous peer reviewers in the hope of setting foot in the world – renowned scientific journals.

Key words: writing skill, science article in english, structure “IMRAD”

^(*) NGŨT. Trường Đại học Văn Lang, Email: phanhuuhanh@vanlanguni.edu.vn

1. KHÁI QUÁT VẤN ĐỀ

Không ít người thường cho rằng viết một bài nghiên cứu khoa học, một đề tài khoa học bằng tiếng nước ngoài gốc Xla-vơ, cụ thể ở đây là Anh ngữ, thì rất dễ vì chỉ cần nêu lên những ý tưởng gì mới là được. Người viết chẳng cần có kiến thức gì mấy về kỹ năng viết (Writing skill), kỹ thuật viết (Technical writing), cách viết sáng tạo (Creative writing), phép chấm câu (Punctuation), bí quyết viết hoa (Capitalisation) của tiếng Anh và các ngôn ngữ cùng gốc Xla-vơ (Pháp, Đức, Tây Ban Nha,...), thì (Tense), cách chọn từ (wordage) khi có nhiều lựa chọn, sự kết hợp từ (Collocation)... Nhưng tác giả bài báo này lại nghĩ không hẳn như vậy và cho là làm to đấy. Xin nói ngay rằng bấy lâu nay, các học giả và chuyên gia viết lách vẫn tốn nhiều giấy mực tranh cãi về kỹ năng viết các loại bài viết khoa học mà hình như chưa đến hồi kết. Họ nói kỹ năng viết, văn phong và ngôn từ trong các tài liệu khoa học nên theo thể chủ động (Active voice) hay thụ động (Passive). Họ lập luận các tạp chí, tập san khoa học danh tiếng, rất có uy tín trên thế giới đều xuất bản bằng Anh ngữ và hầu hết là của các nước Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Nga như Science et Vie, Lancet, Scientist, Vision, JANA, Genetics, New England of Medicine, Knowledge Is Power... Tất cả các ấn phẩm này đều khuyến khích tác giả gửi bài đăng dùng thể chủ động. Tại sao vậy? Vì viết thể này bộ phận biên tập không mất nhiều thì giờ chuyển câu từ thụ động sang chủ động. Đặc biệt là thể chủ động làm cho các ý tưởng và ý niệm (Ideas and Thoughts) logic hơn, cụ thể hơn, đầy

đủ hơn, khúc chiết hơn, trong sáng và rạch ròi hơn, và tất yếu dễ hiểu hơn, tránh được hiểu lầm dễ gây tranh cãi. Ví dụ: Thay vì viết: “Nothing can be done about this incurable disease” hay “There is nothing that can be about this incurable disease” thì nên viết, “We can’t do anything about this incurable disease”, hoặc “Earthquakes are normally measured with this device” nên viết, “We normally measure earthquakes with this device”. Thử đọc thêm và so sánh 3 ví dụ sau: “Most of the advantages (=edges) of the earlier types were incorporated in this new model” với “We incorporated most of the advantages (=edges) of the earlier types in this new model” (Chúng tôi đã đưa phần lớn các lợi thế của các kiểu trước đó vào mẫu mã sản phẩm mới này), hoặc “After a lot of new plant was introduced into our factory, the steel production could be speeded up” với “After we introduced/ introducing a lot of new plant into our factory, we could speed up the steel production” (Sau khi chúng tôi đưa vào sử dụng nhiều máy móc mới, chúng tôi có thể tăng nhanh sản lượng thép) hoặc “It is agreed that our new design will strive for simplicity” với “We agree that our new design will strive for simplicity” (Chúng tôi đi đến thỏa thuận rằng bản thiết kế mẫu mã/ tạo dáng mới nhất định sẽ đưa đến sự thanh thoát dung dị). Vậy thử hỏi cách dùng thể nào dễ hiểu hơn?

Trái lại, một triết gia Pháp có câu nói nổi tiếng để đời “Cái tôi là (cái) đáng ghét” (Le moi est haissable). Người Anh cũng có câu tương tự, “Egotism is hateful” (Thói tật tự cao tự đại thật rất đáng ghét). Do vậy, các bậc tiền bối lão làng khuyên không nên

viết văn khoa học theo thể chủ động như “I think” (Tôi nghĩ) hay “We recommend” (Chúng tôi khuyên/ khuyên cáo/ đề nghị) hoặc “We propose” (Chúng tôi đề nghị) hay “I suggest” (Tôi gợi ý)...Tất cả “cái tôi” này rất dễ làm người đọc “mất cảm tình”, “khó chịu”, và cho người viết “hợm hĩnh”, “ta đây”, “thiếu khiêm nhường”. Các bậc “trưởng thượng” đó đều nói cách viết văn khoa học tốt nhất là viết theo thể thụ động, là hiệu quả tối ưu (Optimal) và chắc ăn (on the safe side). Một bài viết khoa học với thể chủ động cũng có chức năng chính đáng của nó. Thông thường, sử dụng cách viết như thể tác giả có dụng ý định hướng nghiên cứu, cấu trúc câu rõ ràng hơn, khẳng định sở hữu ý tưởng nào đó, phát biểu giả thuyết, trình làng kết quả nghiên cứu, bộc bạch ý kiến cá nhân... Trước đây cũng đã có một vài nghiên cứu cho thấy rằng cách dùng thể chủ động có xu hướng rất khác nhau giữa tác giả với tiếng Anh là ngoại ngữ và tác giả với Anh ngữ là tiếng mẹ đẻ. Thực ra, cách viết với đại từ “I” hay “We” xuất hiện thường xuyên trong văn phong khoa học cũng tùy thuộc vào uy tín, vị thế của tác giả trong giới khoa học. Nếu người viết đã thành danh, rất sáng giá mà dùng hai đại từ nhân xưng đó như “I think”, “I believe”, “We recommend” thì chắc ít ai đặt vấn đề này nọ. Nhưng nếu trường hợp này là một nghiên cứu sinh hay một nhà khoa học chưa đủ kinh nghiệm thì nhất định sẽ gây cho người đọc uyên bác cảm thấy khó chịu, coi tác giả đó thiếu khiêm tốn. Do vậy, họ có lời khuyên chân thành bất thành văn (sincere advice not in writing) là khi viết các tài liệu khoa học nói

chung nên dùng thể thụ động với đại từ “It” làm chủ ngữ giả/ hình thức (A Formal/Dummy Subject) nhằm tránh chuốc lấy những rắc rối phiền toái không cần thiết nói trên.

Nhân đây xin nói thêm, giới khoa học phương Tây làm gì cũng “cân nhắc lợi hại, thiệt hơn” (weigh the pros and the cons). Câu hỏi đơn giản đặt ra là trong các bài viết khoa học, tần suất sử dụng “I” hay “We” là bao nhiêu? Trả lời các câu hỏi này, một nữ học giả Tây Ban Nha tiến hành một công trình khá công phu với phương pháp Corpus (sử dụng kho sưu tập tài liệu, kho dữ liệu). Bà đọc kỹ 55 luận văn khoa học về ngành kỹ thuật công trình (Construction Engineering) của nhiều tác giả viết bài cùng một chủ đề. Kết quả cho thấy tần suất sử dụng “I” hay “We” là 10.3 trên 1000 từ (khoảng 1%). Tần suất này tương đối cao so với các nghiên cứu trước chỉ dao động khoảng từ 6 đến 7 trên 1000 từ. Thống kê ở Bảng 1 cho thấy 20 động từ được sử dụng thông dụng nhất sau đại từ “We”.

Có thể thấy ngay “We have” được dùng nhiều nhất. Điều này có lẽ không ngạc nhiên vì bài viết khoa học thường không dùng thì quá khứ. Tuy nhiên, các động từ “can”, “will”, “go”,... cũng được sử dụng với tần suất khá cao. Câu hỏi kế tiếp là họ dùng đại từ “I” hay “We” làm chức năng gì? Kết quả phân tích ở bảng 2 cho thấy 10 chức năng thông dụng nhất của cách sử dụng “I” hay “We” để tác giả phát biểu giả định nghiên cứu, mô tả quy trình nghiên cứu và định hướng người đọc

Bảng 1. Tần suất sử dụng đại từ “I” hay “We”

Động từ	Tần suất	Động từ	Tần suất
Have	252	Choose	35
Can	151	Analyzed	25
Will	123	Had	23
Going	105	Choose	22
Think	68	Analyze	19
Want	53	Explain	18
Need	49	Considered	16
See	39	Decided	15
Make	37	Evaluated	13
Find	36	Compared	12

Bảng 2. Chức năng phổ biến nhất của cách sử dụng “I” hay “We”

Chức năng	Tỷ lệ %	Vài ví dụ về cách viết phổ biến này:
Phát biểu mục tiêu	4.1	We are going to describe the main problems...
Viết kết luận	6.2	With this paper, we want to give you a recommendation how to
Đề xuất kiến nghị	4.9	We suggest choosing...
Định hướng người đọc	19.7	We refer to the accuracy...
Mô tả quy trình nghiên cứu	21.3	We studied the accuracy and currency of different methods...
Phát biểu giả định nghiên cứu	26.6	We are going to consider the advantages and disadvantages...
Nhấn mạnh để thu hút độc giả	4.5	We have analyzed the data subject to...
Mô tả kết quả nghiên cứu	2.4	We have created a comparative table...
Phát biểu ý kiến cá nhân	7.8	We will focus on the comparative table shown at the beginning of the paper...
Các chức năng phụ khác	2.5	Thus, We can conclude that...
Tổng cộng	100	

Có thể nói đây là kết quả của một nghiên cứu rất thú vị, cung cấp cho chúng ta 3 bài học kinh nghiệm rất hữu ích khi viết bài khoa học. Bài học *thứ nhất*, nên dùng thể chủ động để viết bài loại hình này vì đó là cách an toàn nhất; *Thứ hai*, có thể

viết theo thể chủ động trong trường hợp cần thiết, bất khả kháng như ở bảng 2; *Thứ ba*, kết quả nghiên cứu cho thấy nên giữ tần suất “I” hay “We” dưới 1% là an toàn – tần suất trung bình ở một bài viết khoa học đã được nhiều người bỏ công nghiên cứu.

2. TIẾNG ANH ẢNH HƯỞNG TRỰC TIẾP ĐẾN SỐ PHẬN BÀI VIẾT

Tác giả bài báo này sẽ làm công việc của “người dọn vườn” hay “người đãi sạn” chỉ ra những lỗi tiếng Anh thường mắc phải trong các bài viết khoa học, ảnh hưởng đến “số phận” của một bài viết. Bạn sẽ rất đỗi ngạc nhiên trước những thông tin cung cấp trong bài báo này mà chắc là bạn ít nghĩ đến. Dưới đây là vài nhận xét của các nhà bình duyệt đăng cấp (Peer Reviewers):

Your English needs brusing up; Your English grammar needs revision; Your English needs considerable editing; The quality of the language is far below the acceptable minimum level, to such a point that many sentences are simply not understandable; The quality of the language is far below the acceptable minimum level, to such a point that many sentences are simply not understandable; The manuscript requires considerable editing, since many passages are poorly written; The clarity of your paper is shockingly poor. Many times this is due to grammatical errors (too many to enumerate), but at many times the wording is just too difficult to follow; The paper cannot be published as it stands.

Những lời bình xét thẳng thắn trên đều liên quan đến tiếng Anh trong các bài viết khoa học, hầu hết từ tác giả là người Châu Á. Thi thoảng các chuyên gia bình duyệt khó tính cũng nhận được những bài có chất lượng, rất tốt, rất hay về ý tưởng nhưng họ đánh phải từ chối công bố do có quá nhiều lỗi, nhiều sai sót, lỗ hổng về kiến thức tiếng Anh đến nỗi bộ phận biên tập không có thì giờ chỉnh sửa. Điều đó đã quyết định số phận của bài viết. Kinh nghiệm cho thấy

một bài báo khoa học viết tốt (Well-written paper) thường có xác suất được chấp nhận đăng trên các tạp chí quốc tế rất nổi tiếng cao hơn bài viết sai tiếng Anh. Trong khoa học, hai tiêu chuẩn vàng (Two gold criteria) phải đáp ứng xuyên suốt trong một bài báo để được đánh giá “Well written” là tính đơn giản (Simplicity) và sự trong sáng (Clarity). Bài viết phải tuân thủ cấu trúc IMRAD (Introduction – Method – Result – Discussion). Mỗi phần bao gồm một số đoạn văn (Paragraph). Một trong những khó khăn thường gặp lúc viết bài khoa học là cách cấu trúc một đoạn văn gồm nhiều câu (Sentences) sao cho dễ đọc và trôi chảy.

3. VIẾT RÕ RÀNG, DỄ HIỂU, MẠCH LẠC VÀ SÚC TÍCH

Để mở rộng những ý trên, vì bạn viết để người khác đọc nên kỳ vọng của người đọc một đoạn văn là nhận ra ngay ý tưởng của tác giả và thông tin làm nền (Acting as a foil) cho ý tưởng đó được thể hiện rõ ràng, dễ hiểu, khúc chiết. Nếu đoạn văn có quá nhiều ý tưởng hoặc không có bằng chứng hỗ trợ các ý tưởng đó thì mặc nhiên người đọc cảm thấy lẫn lộn, khó chịu và không muốn tiếp tục đọc. Nói khác đi, một đoạn văn tốt hàm chứa nhiều ý tưởng và thông tin gắn kết nhau và hỗ trợ cho ý tưởng của người viết để sao cho mọi người đều biết ý đồ của tác giả muốn nói gì trong đoạn văn đó. Vậy, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của người viết bài báo khoa học là phải viết mạch lạc, ăn ý và chặt chẽ chuẩn xác (Consecutive, coherent and water-tight). Xin nói rõ thêm, trong một bài viết khoa học, một số ý tưởng và luận điểm được trình bày làm sao cho tốt? Theo trình

tự nào? Với sự cân đối nào? Bài viết phải có một hình thức hoặc bố cục thật rõ ràng, khoa học, đồng thời toát lên một ý thức nhất quán (A sense of consistency). Và, muốn cho người đọc tin tưởng thì phải làm sao cho họ thấy được cái sườn của bài viết lộ dần ra. Dùng một hình thức khác, đó là nếu người đọc thấy được con đường người viết đang đi, họ sẽ vui lòng làm người bạn đồng hành (A road companion). Ngay cả mỗi khi viết một bài báo khoa học về một vấn đề phức tạp, người viết cũng nên nhớ tránh câu dài quá đáng (Excessive wordiness) hay rườm rà (Redundancy).

Ví dụ: *Không viết*: Modern students of today are more technologically sophisticated than their parents. (The phrase ‘of today’ repeats the thought already expressed by the adj ‘modern’).

Nên viết: Modern students are more technologically sophisticated than their parents. (Học sinh (thời đại) ngày nay sành sỏi về công nghệ hơn các bậc sinh thành).

Không viết: **There are** (The Expletive – ‘there’ used as a dummy subject) many supervisors in the area **who** (Relative pronoun) are planning to attend the workshop **that** (Relative adjective) is scheduled for Friday.

Nên viết: Many supervisors in the area plan to attend the workshop scheduled for Friday (Nhiều giám sát viên về lĩnh vực này dự định tham dự lớp tập huấn được sắp xếp vào thứ sáu).

Không viết: Codes are normally used when it is known that the records are to be processed by a computer, and controls are normally used when it is known that the records are designed to be processed by a

tab installation (39 từ so với 21 từ ở câu nên viết).

Nên viết: Use codes when you process the codes on a computer, and use controls when you process them at a tab installation (Sử dụng các mã số khi bạn xử lý các hồ sơ trên máy tính, và sử dụng các nút điều khiển khi nào bạn xử lý chúng ở một thiết bị bảng).

Một ví dụ nữa cho thấy điều cấm kỵ (A taboo thing) trong viết lách khoa học, tức là người viết tự biến mình thành ‘a word monger’ (người thích viết hoặc nói văn hoa loanh quanh không quan tâm lưu ý tới ý nghĩa):

Không nên viết: The payment to which a subcontractor is entitled should be made promptly so that in the event of a subsequent contractual dispute, we, as general contractors, many not be held in default of our contract by virtue of non-payment.

Chỉ cần viết: Pay subcontractors promptly. Then if a contractual dispute should occur, we cannot be held in default of our contract because of nonpayment. (Thanh toán ngay cho các nhà thầu phụ. Sau đó, nếu có xảy ra tranh chấp về hợp đồng thì chúng ta không bị quy kết trách nhiệm không thanh toán theo hợp đồng).

4. NHỮNG LỖI PHỔ BIẾN

Các nhà nghiên cứu y học đã tiến hành một nghiên cứu rất thú vị để trả lời câu hỏi. “Trong thực tế, các bài viết khoa học trong sáng và đơn giản đến mức nào?”. Họ chọn ngẫu nhiên 120 bài viết, rồi tính tần suất 6 lỗi tiếng Anh được chia làm 3 nhóm.

4.1. Nhóm lỗi ngữ pháp

Có 2 loại lỗi về cách dùng ‘*thể chủ động hay thụ động*’ như đã đề cập ở trên và

cách dùng ‘thì’ (Tense). Về “Thì” có vài quy ước sau đây: Nếu nói đến các nghiên cứu trước đó, dùng thì quá khứ (Past Simple). Ví dụ: Those new findings were known at the turn of the 20th century (đầu thế kỷ 20); Nếu nói đến một khái niệm mới, dùng thì hiện tại hoàn thành (Present Perfect). Ví dụ: Some research has proved that the theory still holds water (vẫn còn giá trị); Nếu diễn giải dữ liệu, dùng thì hiện tại đơn (Present Simple). Ví dụ: Figure 3 shows that...

4.2. Nhóm lỗi cấu trúc

Có 2 loại chính: câu dài dòng (Lengthy Sentence) và thứ tự câu từ (Word Order: sự sắp xếp từ về cú pháp trong một câu, mệnh đề, cụm từ). Trong bài viết khoa học, điều tối kỵ là câu dài lê thê, vì rất khó đọc hiểu và lắm lúc làm người đọc lạc hướng. Do đó, người viết nên tách ra nhiều câu ngắn dễ hiểu hơn. Ví dụ: The soluble from of B2 micro-globulin (B2m) HLA class 1 heavy chain (FHC) consists of three-size variants, namely the intact liquid soluble 43 kDa heavy chain (A variant), released through a shedding process; the truncated water soluble 39 kDa heavy chain B (B variant), which lacks the trans-membrane segment and is produced by an alternative RNA splicing and the 34-36 kDa (C variant), which lacks the trans-membrane and intratoplasmatic portion of the molecules. Đáng lẽ nên tách làm 3 câu. Word Order cũng đóng vai trò làm bài viết đơn giản hơn, chẳng sai về ngữ pháp, từ ngữ nhưng có vấn đề về thứ tự từ. Ví dụ: ‘His new project has been on the table for some time and is concluded that, to some extent, impractical’. Nhẽ ra nên tách thành 2 câu

như sau: ‘His new project has been on the table for some time now, and to some extent, it is concluded as impractical’.

4.3. Nhóm lỗi cách dùng từ

Có 2 loại chính

4.3.1. Biệt ngữ (Jargon) hoặc thuật ngữ đặc biệt cho một số lĩnh vực nghiên cứu hoặc hoạt động của con người. Chẳng hạn, một bác sĩ có thể được người đọc thông cảm khi ông ta nói với một bác sĩ khác điều mà người Anh bình thường gọi là ‘Two black eyes’ (hai con mắt đen, tức là bị đánh thâm tím cả 2 mắt) bằng một câu dài: “bilateral periorbital haematoma and left subconjunctival haemorrhage” (huyết tụ hai bên vành mắt và chảy máu dưới mí mắt trái).

4.3.2. Lạm dụng từ

 (Overuse of Words)

Nhiều người mới võ vẽ học tiếng Anh lại có thói quen “sính” dùng từ gốc Latin và Hy Lạp hay những từ mang tính “Pedantry” (để khoe khoang kiến thức, sự thông thái rườm rà của mình), nhưng cách viết như thế được coi là điều nên tránh trong các bài viết khoa học. Có thể thường thấy các câu như: “We deem it necessary to make our feelings known”. Thay vì viết dễ hiểu: “We think it necessary to express our opinions clearly...” hoặc câu “The guinea-pigs were sacrificed in the nuclear power program” được viết lại: “The guinea-pigs were killed...”.

Chỉ cần đọc 2 câu sau cũng đã thấy sự lạm dụng từ để kéo dài câu, tức là kéo dài bài viết như: “A recovery was achieved in a quick way...”, tác giả chỉ đơn giản nên viết “A quick recovery” là đủ.

Một nghiên cứu khác cho biết người ta lấy bài viết của tác giả đến từ 2 nước nói tiếng Anh (Mỹ và Anh) và 6 nước tiếng

Anh không phải quốc ngữ (Đức, Pháp, Nhật, Thụy Điển, Ý, Tây Ban Nha). Những bài của nhóm tác giả nói tiếng Anh làm nhóm đối chứng để so sánh tần suất lỗi tiếng Anh của các tác giả không nói tiếng Anh. Kết quả thống kê 6 lỗi tiếng Anh trên được tóm lược ở bảng 3 dưới đây. Điểm thấy rõ nhất trong nghiên cứu này là tất cả tác giả dù tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ hay không đều mắc phải nhiều lỗi trong mỗi bài viết khoa học. Tính trung bình, số lỗi của tác giả người Anh là 22 và Mỹ là 23. Đó là

con số khá lớn so với mỗi bài báo khoa học chỉ trung bình có 2.000 đến 3.000 từ. Dĩ nhiên, các tác giả 6 nước nói trên phạm nhiều lỗi hơn. Số lỗi trung bình của mỗi bài báo cao nhất rơi vào tác giả người Ý (49), tiếp đến Pháp (43), Đức (41), Tây Ban Nha (38), Nhật (37), và Thụy Điển (35). Một điều thú vị từ kết quả nghiên cứu này là phần lớn lỗi tiếng Anh tập trung vào nhóm chọn từ (Wordage) và ngữ pháp; rất ít lỗi về cấu trúc hay thứ tự từ.

Bảng 3. Phân nhóm lỗi tiếng Anh

	NGŨ PHÁP		CẤU TRÚC		CHỌN TỪ	
	Về Thể (Form)	Về Thì (Tense)	Câu văn dài	Thứ tự từ	Biệt ngữ	Làm dụng từ
Anh	8.3	2.4	1.7	2.0	4.0	4.6
Mỹ	4.4	2.1	2.3	0.6	6.4	6.1
Thụy Điển	5.0	8.1	1.1	2.7	9.7	8.4
Nhật	3.9	6.0	2.7	2.6	11.7	7.9
Đức	7.3	6.7	5.5	3.8	10.7	7.1
Pháp	7.9	6.0	5.6	5.4	14.6	9.4
Tây Ban Nha	7.9	8.8	2.7	2.6	10.1	6.4
Ý	7.0	13.9	2.2	4.3	12.8	7.5

Một câu hỏi nữa mà các nhà nghiên cứu muốn biết là có sự tương quan nào giữa số lỗi và tỷ lệ bài viết được chấp nhận? Có đấy nhưng mối tương quan đó không đáng kể. Nhìn chung, bài viết có tần suất lỗi càng nhiều thì xác suất được chấp nhận, được công bố càng thấp. Bài báo nào có đến 50 lỗi thì xác suất được chấp nhận chỉ là 9%. Ngày nay, tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ không thể thiếu được (An Indispensable Language) trong giới khoa

học. Trong thập niên 80, trên 60% các tập san khoa học trên thế giới sử dụng tiếng Anh. 20 năm sau, con số đó nhảy vọt lên trên 80%. Trong vài lĩnh vực hiện nay như y khoa và sinh học, hơn 90% các tập san 2 chuyên ngành này sử dụng Anh ngữ. Ngay cả các nước không nói tiếng Anh như Nhật và Bắc Âu sử dụng các tập san khoa học viết bằng tiếng Anh làm phương tiện thông tin.

Bảng 4. Một số lỗi phổ biến về cách dùng từ Rườm rà (Redundancy)

Thừa	Nên viết lại	Thừa	Nên viết lại
Descended down	Descended	Very delighted	Delighted
Completely finished	Finished	Utterly rejected	Rejected
Completely perfect	Perfect	Repeat again	Repeat
Completely clear	Clear	Cooperate together	Cooperate
Enclosed here with	Enclosed	Basic essentials	Essentials
And et cetera	Et cetera	Enter into	Enter
Customary practices	Practices	Discuss about	discuss

Bảng 5. Câu (cụm từ/Đoạn câu) dài dòng (Wordiness)

Không nên viết	Nên viết	Không nên viết	Nên viết
Send an answer We are writing this letter At this time, at this point in time, at present, at the present time, for the time being. At that time, at that point in time, as of that date, during that period Are in agreement with Have a tendency to By means of, through the use of Owing to the fact that, for the reason that, the reason for	Reply We are writing Then Presently, now, currently Agree Tend to By or with because	It will be our endeavor Please be kind enough to advices us We would like to express out regret at being unable to fulfill your requirements Please let us have your kind comments on this According to your requirements For the treatment of Until healing occurs	We shall try Please inform us/ please let us know We regret to be unable to meet your requirements Your comments will be appreciated As per your requirements To treat Until healed

5. KẾT LUẬN

Các nhà nghiên cứu trên cho thấy muốn thành công trong việc viết lách khoa học, tác giả trước mắt nên trau dồi tiếng Anh thật tốt, phải tuân thủ 2 tiêu chuẩn vàng (Simplicity & Clarity), cấu trúc IMRAD và những quy ước khác đối với bài báo khoa học. Nhưng, đây lại là một khó khăn không hề nhỏ với các tác giả mà tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ. Song, ngay

cả tác giả Anh, Mỹ, Ca-na-da, Úc, Tân Tây Lan vẫn cảm thấy khó khi viết bài báo khoa học. Họ mắc lỗi chủ yếu về ngữ pháp và cách sử dụng từ hơn là cấu trúc. Điều đáng lưu tâm là bài viết có nhiều lỗi thì cơ hội được chấp nhận cho công bố rất thấp. Điều này cũng đánh động trực tiếp đến kỹ năng viết và trình độ tiếng Anh của các nhà khoa học nước ta nói chung còn thua kém các nước trong khu vực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kim, S.-M. and E. Hovy (2004), *Determining the sentiment of opinions*, in Proceedings of the 20th international conference on Computational Linguistics, Association for Computational Linguistics.

2. Jindal, N. and B. Liu (2006), *Identifying comparative sentences in text documents*, in Proceedings of the 29th annual international ACM SIGIR conference on Research and development in information retrieval, ACM.
3. Esuli, A. and F. Sebastiani (2006), *Sentiwordnet: A publicly available lexical resource for opinion mining*, in Proceedings of LREC, Citeseer.
4. Jindal, N. and B. Liu (2006), *Mining comparative sentences and relations*, in AAAI.
5. Ganapathibhotla, M. and B. Liu (2008), *Mining opinions in comparative sentences*, in Proceedings of the 22nd International Conference on Computational Linguistics-Volume 1. 2008, Association for Computational Linguistics.
6. Lee, D., O.-R. Jeong, and S.-g. Lee (2008), *Opinion mining of customer feedback data on the web*, in Proceedings of the 2nd international conference on Ubiquitous information management and communication ACM.
7. Harb, A., et al. (2008), *Web Opinion Mining: How to extract opinions from blogs?*, in Proceedings of the 5th international conference on Soft computing as transdisciplinary science and technology ACM.
8. Balahur, A., et al. (2009), *Opinion mining on newspaper quotations*, in Web Intelligence and Intelligent Agent Technologies, 2009, WI-IAT'09, IEEE/WIC/ACM International Joint Conferences on, IET.
9. Kieu, B.T. and S.B. Pham. (2010), *Sentiment analysis for vietnamese*, in Knowledge and Systems Engineering (KSE), 2010 Second International Conference on, IEEE.
10. Baccianella, S., A. Esuli, and F. Sebastiani (2010), *SentiWordNet 3.0: An Enhanced Lexical Resource for Sentiment Analysis and Opinion Mining*, in LREC.
11. Kouloumpis, E., T. Wilson, and J.D. Moore (2011), *Twitter sentiment analysis: The good the bad and the omg!*, Icwsm.
12. Baumgarten, M., et al. (2013), *Keyword-Based Sentiment Mining using Twitter*, International Journal of Ambient Computing and Intelligence.
13. Kwon, A. and K.-S. Lee (2013), *Opinion bias detection based on social opinions for Twitter*, Journal of Information Processing Systems.
14. Nam Nguyen, H., et al. (2014), *Domain Specific Sentiment Dictionary for Opinion Mining of Vietnamese Text*, in Multi-disciplinary Trends in Artificial Intelligence: 8th International Workshop, MIWAI 2014, Bangalore, India, December 8-10, 2014. Proceedings, M.N. Murty, et al., Editors. 2014, Springer International Publishing: Cham.
15. Thakkar, H. and D. Patel (2015), *Approaches for Sentiment Analysis on Twitter: A State-of-Art study*, arXiv preprint arXiv:1512.01043.

Ngày nhận bài: 27/02/2017. Ngày biên tập xong: 8/8/2017. Duyệt đăng: 20/8/2017